

145	HSO268690074285	010370	Dương Gia Huy	06/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.25	5.50	9.00	8.75		9.9	9.5	37.25
146	HSO268690071909	010360	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	04/12/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Tin học	6.00	7.00	7.75	8.25	TT03	10	9.8	37.25
147	HSO268690071907	010364	Nguyễn Đăng Hải Đăng	09/10/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tin học	5.42	5.00	8.25	9.25	TT02	9.8	9.4	37.17
148	HSO268690074068	010358	Lê Hùng Anh	28/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	3.75	7.00	7.75	9.15		10	9.4	36.80
149	HSO268690058755	010365	Bùi Nguyễn Nhật Đồng	07/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.75	5.75	8.00	8.10	TT03	9.9	9.4	35.70
150	HSO268690060085	010366	Nguyễn Hoài Đồng	21/08/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Tin học	6.50	5.50	8.75	7.00		10	8.7	34.75
151	HSO268690076359	010368	Đoàn Lê Hoàng Giang	18/02/2011	Trường THCS Thạnh Phú	Tin học	6.25	5.50	6.00	8.25		9.9	9.4	34.25
152	HSO268690053268	010389	Đường Lâm Khánh Thy	08/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.25	9.25	9.25	5.00		10	9.8	33.75
153	HSO268690051968	010362	Nguyễn Hoàng Dự	25/04/2011	Trường THCS Nguyễn Thị Hai	Tin học	6.75	4.00	8.00	7.25		10	9.8	33.25
154	HSO268690050205	010395	Trần Khiết Tường	22/08/2011	Trường Trung học cơ sở Lương Phú	Tin học	5.00	7.75	7.50	6.15	TT04	10	9.8	32.55
155	HSO268690074909	010379	Trần Bảo Nam	29/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.08	5.50	7.50	7.00	TT03	10	9.7	32.08
156	HSO268690071213	010381	Phan Trí Nguyễn	31/10/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tin học	4.00	4.00	6.25	8.50		9.6	9.4	31.25
157	HSO268690067348	010378	Phạm Tấn Lộc	14/06/2011	Trường THCS Mỹ Hòa	Tin học	4.00	5.25	6.50	7.60	TT04	9	9	30.95
158	HSO268690058119	010373	Hồ Dương Khang	04/05/2011	Trường THCS Ba Tri	Tin học	4.00	5.25	9.25	4.95		9.9	9.6	28.40
159	HSO268690053610	010393	Phan Sơn Tùng	12/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.75	5.75	7.50	4.65		9.9	9.5	28.30
160	HSO268690088588	010386	Lương Phú Sang	11/12/2011	Trường THCS Mỹ Hòa	Tin học	4.50	3.75	6.00	7.00		9	8.8	28.25
161	HSO268690055612	010396	Lê Nguyễn Như Ý	05/11/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Tin học	4.25	7.50	6.75	4.75		9.9	9.7	28.00
162	HSO268690092165	010375	Trần Nguyễn Nhựt Khang	01/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.08	4.50	8.00	4.40		9.9	9.5	26.38
163	HSO268690049141	010382	Hồ Tiến Phát	20/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	6.25	3.50	7.25	4.10		9.8	9.1	25.20
164	HSO268690050034	010371	Nguyễn Minh Huy	06/06/2011	Trường THCS Phú Hưng	Tin học	5.50	3.25	8.25	3.80		9.7	9.1	24.60
165	HSO268690048812	010392	Lê Hoàng Tuấn	15/01/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tin học	4.25	3.75	3.75	6.20		9.8	9	24.15
166	HSO268690055196	010384	Nguyễn Tú Quyên	17/11/2011	Trường THCS Phạm Viết Chánh	Tin học	5.25	4.75	8.75	2.50		9.9	9.7	23.75
167	HSO268690095021	010385	Dương Khả Quỳnh	23/10/2011	Trường TH-THCS An Phước	Tin học	4.75	5.75	6.25	3.40		10	9.9	23.55
168	HSO268690064398	010388	Nguyễn Chí Thiện	22/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	5.25	6.50	5.00	3.00		9.8	9.3	22.75
169	HSO268690073750	010359	Đỗ Quốc Bảo	26/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tin học	4.25	3.50	8.75	2.20		9.7	8.4	20.90
170	HSO268690063038	010672	Đoàn Ngọc Minh Thư	02/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.50	7.00	10.00	8.40	TT04	10	9.9	41.30
171	HSO268690075877	010591	Huỳnh Gia Khang	20/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	7.00	9.75	8.40	TT02	10	9.9	40.30
172	HSO268690074672	010650	Nguyễn Thị An Phúc	14/06/2011	Trường THCS Tân Lợi Thạnh	Tiếng Anh	6.00	8.25	9.50	8.10		10	9.9	39.95
173	HSO268690050213	010679	Trần Quốc Tiến	14/03/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Tiếng Anh	7.50	7.25	10.00	7.40		9.9	9.9	39.55
174	HSO268690073756	010645	Mai Thành Phát	01/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	7.75	9.75	7.60		9.9	9.6	39.45
175	HSO268690061760	010599	Huỳnh Trần Anh Kiệt	17/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	4.75	7.50	8.75	9.00	TT04	9.6	9.5	39.00
176	HSO268690049329	010662	Nguyễn Hồ Tâm	30/03/2011	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở An Hòa	Tiếng Anh	6.50	6.25	9.75	7.83	TT03	9.7	9.3	38.16
177	HSO268690069505	010680	Nguyễn Bảo Trân	02/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	8.50	10.00	6.40		9.9	9.7	38.05
178	HSO268690051294	010592	Nguyễn An Khang	03/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	7.00	9.50	7.60	TT03	10	9.8	37.70
179	HSO268690058362	010596	Nguyễn Tuấn Khoa	09/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	7.00	9.50	7.60	TT04	9.9	9.8	37.70
180	HSO268690049840	010611	Trần Nguyễn Khánh Ly	11/02/2011	Trường THCS Lê Hoàng Chiêu	Tiếng Anh	6.50	6.00	10.00	7.60		10	9.9	37.70
181	HSO268690070984	010578	Nguyễn Phạm Hoàng Hà	05/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	8.00	9.75	6.50		10	9.9	37.50

182	HSO268690095349	010587	Hà Đức Huy	02/01/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Tiếng Anh	6.50	6.50	9.25	7.60		10	9.7	37.45
183	HSO268690057424	010548	Mai Lê Minh Anh	02/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	7.50	9.50	7.10	TT04	9.9	9.8	37.45
184	HSO268690049950	010674	Nguyễn Ngọc Anh Thư	22/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.00	6.75	9.75	6.80		10	9.7	37.10
185	HSO268690083815	010686	Bùi Nguyễn Khánh Vinh	13/01/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Tiếng Anh	6.25	7.00	9.50	7.10	TT04	10	9.9	36.95
186	HSO268690074275	010569	Trịnh Xuân Duyên	30/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.75	7.50	9.50	6.10	TT03	10	9.9	36.95
187	HSO268690074685	010574	Trần Quang Đông	16/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.00	7.50	9.50	7.40	TT04	10	9.9	36.80
188	HSO268690068371	010612	Trần Huỳnh Xuân Mai	16/02/2011	Trường THCS Trần Thị Tiết	Tiếng Anh	8.00	6.00	9.25	6.70		10	9.8	36.65
189	HSO268690063000	010561	Nguyễn Thanh Bình	23/02/2011	Trường TH-THCS An Hiệp	Tiếng Anh	6.00	7.25	9.50	6.90		9.7	9.8	36.55
190	HSO268690072808	010642	Bùi Huỳnh Như	27/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.00	6.50	9.50	6.50		10	9.9	36.00
191	HSO268690071674	010604	Võ Thị Tuyết Lan	04/03/2011	Trường THCS Hoàng Lam	Tiếng Anh	6.75	7.00	9.25	6.50		9.9	9.9	36.00
192	HSO268690051492	010590	Nguyễn Trần Gia Hưng	29/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	5.75	9.75	7.10		9.9	9.7	35.95
193	HSO268690052329	010651	Phạm Gia Phúc	25/09/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Tiếng Anh	6.50	5.25	10.00	7.00		9.9	9.9	35.75
194	HSO268690080398	010554	Võ Minh Anh	22/05/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	6.00	4.50	9.75	7.70	TT03	9.7	9.4	35.65
195	HSO268690081480	010607	Nguyễn Hoàng Long	03/03/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	6.00	4.00	9.50	8.00	TT03	9.5	8.7	35.50
196	HSO268690073818	010635	Trần Lê Phương Nguyên	06/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.75	5.50	9.75	7.20	TT04	9.7	9.4	35.40
197	HSO268690064653	010610	Bùi Tấn Lộc	18/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	7.50	10.00	5.90		9.5	9.6	35.30
198	HSO268690073151	010562	Lê Hồng Châu	01/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.25	6.50	9.50	7.00		9.7	9.7	35.25
199	HSO268690075062	010602	Nguyễn Quỳnh Lam	10/04/2011	Trường THCS Tạ Minh Khâm	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.75	6.50		10	9.8	35.25
200	HSO268690049604	010563	Nguyễn Ngọc Trần Châu	20/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	7.25	9.50	6.20		10	9.8	35.15
201	HSO268690079952	010557	Nguyễn Huỳnh Gia Bảo	03/06/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	5.50	7.00	9.75	6.30		9.8	9.8	34.85
202	HSO268690071797	010544	Dương Thiên An	24/05/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.50	6.40		10	9.8	34.80
203	HSO268690073775	010688	Châu Khánh Vy	30/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.00	5.00	9.25	6.70		9.9	9.7	34.65
204	HSO268690063854	010624	Dương Hiếu Nghĩa	15/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.00	6.00	9.75	6.90	TT04	9.8	9.6	34.55
205	HSO268690050378	010584	Phạm Xuân Bảo Hân	19/11/2011	Trường THCS Mỹ Hòa	Tiếng Anh	6.25	7.00	9.25	6.00		9.7	9.8	34.50
206	HSO268690053364	010660	Lê Song Hoàng Sang	27/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.75	8.75	9.75	5.00		9.9	9.6	34.25
207	HSO268690062873	010683	Phạm Ngọc Cát Tường	27/07/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.00	6.00	9.75	5.70		9.8	9.7	34.15
208	HSO268690074989	010681	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	25/12/2011	Trường THCS Mỹ Hòa	Tiếng Anh	6.75	6.00	9.75	5.80		9.9	9.8	34.10
209	HSO268690073167	010582	Ngô Bảo Hân	15/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.00	4.75	9.75	6.20		9.9	9.7	33.90
210	HSO268690056346	010560	Võ Nguyễn Thành Bảo	26/09/2011	Trường Trung học cơ sở Phước Long	Tiếng Anh	4.75	4.75	9.50	7.40	TT04	9.8	9.8	33.80
211	HSO268690077621	010601	Lê Khánh Lam	30/07/2011	Trường Trung học cơ sở Tam Phước	Tiếng Anh	6.50	4.75	9.50	6.30		9.9	9.6	33.35
212	HSO268690054642	010671	Dương Minh Thư	15/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.50	7.50	9.50	4.30		9.9	9.8	33.10
213	HSO268690081227	010565	Đoàn Thị Mỹ Duyên	25/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	4.00	6.00	9.50	6.70	TT04	9.9	9.8	32.90
214	HSO268690074031	010598	Trần Cảnh Minh Khôi	24/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	5.75	9.50	5.80		9.8	9.7	32.85
215	HSO268690079684	010619	Nguyễn Võ Kim Ngân	07/06/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	7.00	5.50	9.50	5.40		9.6	9.8	32.80
216	HSO268690085509	010657	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	09/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.75	4.75	9.75	5.20		9.7	9.6	32.65
217	HSO268690094970	010628	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc	18/01/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Tiếng Anh	8.00	7.75	9.75	3.50		9.8	9.7	32.50
218	HSO268690056166	010625	Dương Trần Ngọc	09/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.25	7.25	9.50	4.10		9.9	9.7	32.20

219	HSO268690062824	010616	Nguyễn Uy Mỹ	03/06/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.25	5.20		9.6	9.6	32.15
220	HSO268690074108	010669	Phan Xuân Thùy	04/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	7.75	5.50	9.50	4.70		10	9.9	32.15
221	HSO268690074134	010654	Phạm Ngọc Hồng Phương	11/09/2011	Trường PT Hermann Gmeiner Bến Tre	Tiếng Anh	6.75	6.25	9.25	4.60		9.7	9.6	31.45
222	HSO268690059029	010588	Huỳnh Gia Huy	17/04/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.00	6.50	9.75	4.60		9.5	9.6	31.45
223	HSO268690059350	010586	Đỗ Gia Huy	16/10/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	5.00	9.25	5.40		9.7	9.4	31.30
224	HSO268690048882	010583	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	17/06/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	7.00	6.75	9.25	4.10		10	9.8	31.20
225	HSO268690075875	010653	Lê Nguyễn Ái Phương	21/01/2011	Trường THCS Ta Minh Khâm	Tiếng Anh	6.25	5.00	9.50	5.20		9.9	9.8	31.15
226	HSO268690049900	010632	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	20/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.50	7.75	8.50	4.10		10	9.9	30.95
227	HSO268690048748	010585	Trần Thị Ngọc Hân	25/08/2011	Trường THCS Nguyễn Thị Hai	Tiếng Anh	6.50	5.50	8.00	5.40		9.5	9.8	30.80
228	HSO268690073496	010605	Nguyễn Bách Lâm	17/12/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.50	3.25	9.50	6.20		9.4	9.5	30.65
229	HSO268690079741	010655	Trần Mai Phương	10/12/2011	Trường THCS Tân Thạch	Tiếng Anh	4.75	5.50	9.00	5.60		9.7	9.5	30.45
230	HSO268690055859	010621	Giang Xuân Nghi	10/05/2011	Trường THCS Lê Hoàng Chiếu	Tiếng Anh	4.75	6.00	9.50	5.10		9.7	9.3	30.45
231	HSO268690089745	010547	Phạm Lê Trường An	20/03/2011	Trường THCS Phạm Viết Chánh	Tiếng Anh	4.75	4.00	8.75	6.40	TT04	9.7	9.2	30.30
232	HSO268690062240	010555	Nguyễn Hồng Ân	31/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	4.75	3.75	9.75	6.00		10	9.8	30.25
233	HSO268690055994	010614	Mai Hữu Nhật Minh	21/02/2011	Trường Trung học cơ sở Phú Long	Tiếng Anh	6.50	3.50	9.25	5.40		9.7	9.6	30.05
234	HSO268690087246	010576	Lê Phương Quỳnh Giang	14/08/2011	THCS Đặng Thị Hai	Tiếng Anh	6.50	4.75	9.00	4.90		10	9.5	30.05
235	HSO268690057594	010564	Nguyễn Phúc Minh Châu	09/06/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	5.50	4.75	9.25	5.20		9.7	9.2	29.90
236	HSO268690050019	010690	Phạm Thanh Vy	20/09/2011	Trường THCS An Ngãi Trung	Tiếng Anh	6.50	6.00	9.75	3.80		9.8	9.7	29.85
237	HSO268690054442	010589	Võ Hoàng Huy	11/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Tiếng Anh	6.25	6.50	9.00	4.00		9.6	9.6	29.75
238	HSO268690074974	010676	Trương Ngọc Huỳnh Thư	14/09/2011	Trường THCS Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	5.75	4.00	9.25	5.10		10	9.9	29.20
239	HSO268690065862	010631	Trần Bảo Ngọc	13/12/2011	THCS LÊ THỊ TIỀN	Tiếng Anh	7.50	6.00	8.50	3.57		9.8	9.9	29.14
240	HSO268690058163	010103	Lưu Gia Phúc	14/01/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.25	10.00	10.00	9.00	TT02	9.9	9.9	45.25
241	HSO268690051196	010049	Trần Ngọc Khang	02/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.00	8.50	10.00	8.75		10	9.9	42.00
242	HSO268690059336	010041	Phạm Khánh Hưng	14/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	9.25	9.75	8.00	TT04	9.8	9.8	42.00
243	HSO268690068376	010039	Nguyễn Thanh Thuý Huyền	13/07/2011	Trường THCS Ba Tri	Toán học	6.00	10.00	9.75	8.00		10	9.8	41.75
244	HSO268690073777	010034	Nguyễn Huy Hoàng	30/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.50	8.00	8.75	9.00	TT04	9.7	9.8	41.25
245	HSO268690052549	010077	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	24/01/2011	Trường THCS Mỹ Nhơn	Toán học	7.50	8.75	8.50	8.25		10	9.9	41.25
246	HSO268690052805	010025	Lê Nguyễn Ánh Dương	15/03/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.25	9.50	9.75	7.25	TT04	9.7	9.9	40.00
247	HSO268690070740	010078	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	04/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	9.25	9.75	7.00	TT04	9.8	9.9	39.75
248	HSO268690090220	010055	Phạm Nguyễn Trung Kiên	01/01/2011	Trường Trung Học Cơ Sở Giồng Trôm	Toán học	7.00	9.25	10.00	6.75	TT04	10	9.9	39.75
249	HSO268690073243	010089	Nguyễn Phúc Nguyên	22/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	5.50	9.00	8.50	8.25	TT03	9.7	9.7	39.50
250	HSO268690087995	010130	Nguyễn Tuấn Tú	05/02/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.25	8.75	9.50	7.00		9.7	9.7	39.50
251	HSO268690071167	010044	Huỳnh Gia Khang	30/11/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	9.00	7.50	7.75		9.9	9.5	38.75
252	HSO268690052172	010007	Võ Đặng Khánh An	29/09/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	7.00	8.00	9.50	7.00		10	9.9	38.50
253	HSO268690073353	010108	Trần Thành Quý	08/08/2011	Trường THCS Bến Tre	Toán học	6.75	7.00	8.75	7.75	TT04	9.4	9.7	38.00
254	HSO268690048771	010083	Tổng Lê Hoàng Ngọc	12/02/2011	Trường trung học cơ sở Tân Xuân	Toán học	6.25	8.25	8.00	7.50		10	9.8	37.50
255	HSO268690054024	010127	Nguyễn Thành Trọng	24/11/2011	Trường trung học cơ sở Lương Quới	Toán học	5.75	7.00	9.50	7.50		9.9	9.8	37.25